

Thẻ Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học

Báo Cáo dựa trên Dữ Liệu từ Năm Học 2009–10

Công Bố trong Năm Học 2010–11

Theo luật, Thẻ Báo Cáo Trách Nhiệm của Trường Học (School Accountability Report Card - SARC), phải được công bố trước ngày 1 tháng Hai hàng năm. Tài liệu này có thông tin về tình trạng và kết quả hoạt động của mỗi trường công lập tại tiểu bang California. Quý vị có thể tìm hiểu thêm về các quy định SARC trên Trang Mạng Điện Toán của SARC thuộc California Department of Education (CDE) tại <http://www.cde.ca.gov/ta/ac/sa/>. Để biết thêm chi tiết về trường, các bậc phụ huynh và cư dân trong cộng đồng có thể liên lạc với hiệu trưởng hoặc văn phòng khu học chánh của trường.

I. Dữ Liệu và Tiếp Cận

DataQuest

DataQuest là một khí cụ trên mạng có trên trang mạng của CDE DataQuest tại <http://dq.cde.ca.gov/dataquest/> trong đó có các thông tin khác về trường này và các so sánh về nhà trường cho khu học chánh, quận, và tiểu bang. Cụ thể là, *DataQuest* là hệ thống cung cấp báo cáo để giải trình (ví dụ như Chỉ Số Kết Quả Học Tập của tiểu bang [API], Tiến Bộ Hàng Năm Đạt Yêu Cầu của liên bang [AYP]), dữ liệu khảo thí, sĩ số học sinh, số học sinh tốt nghiệp trung học, số học sinh bỏ học giữa chừng, sĩ số học sinh theo khóa học, số nhân viên, và dữ liệu liên quan tới các học viên tiếng Anh.

Tiếp Cận Internet

Hiện có cho tiếp cận Internet tại các thư viện công cộng và các địa điểm khác có thể tiếp cận công cộng được (thí dụ, Thư Viện Tiểu Bang California). Tiếp cận Internet tại các thư viện và địa điểm công cộng thường được cung cấp trên căn bản ai đến trước thì được trước. Các hạn chế sử dụng khác có thể là giờ hoạt động, độ dài thời gian có thể sử dụng máy (tùy thuộc vào tình trạng có sẵn), các dạng chương trình phần mềm có sẵn trên máy, và khả năng in ra tài liệu.

II. Về Trường này

Địa Chỉ Liên Lạc (Niên Khóa 2010-11)

Mục này cung cấp địa chỉ liên lạc của trường.

Trường		Khu Học Chánh	
Tên Trường	Evergreen Valley High	Tên Khu Học Chánh	East Side Union High
Đường Phố	3300 Quimby Rd.	Số Điện Thoại	408-347-5000
Thành Phố, Tiểu Bang, Số Zip	San Jose , CA 95148-3122	Trang Web	www.esuhd.org
Số Điện Thoại	408-347-7000	Giám Đốc Học Khu	Dan Moser
Hiệu Trưởng	Ana Lomas	Địa Chỉ Thư Điện Tử	moserd@esuhd.org
Địa Chỉ Thư Điện Tử	lomasa@esuhd.org	Mã Số CDS	43- 69427- 4330692

Phần Mô Tả Trường và Tuyên Bố về Nhiệm Vụ của Trường (Niên Khóa 2009-10)

Mục này trình bày thông tin về trường học. Đó là các mục tiêu và chương trình của trường.

Chào mừng quý vị đến với Trường Trung Học Evergreen Valley, Nhà Beo Gấm (Home of the Cougars) của con em chúng ta! Phụ huynh và học sinh rất hãnh diện về danh tiếng trường mình là nơi có thành tích cam go học tập và giảng dạy tài giỏi. Kể từ năm khai trương đến nay, chỉ số học tập API của trường Evergreen năm nào cũng gia tăng. Xin hân hạnh báo cáo với quý vị rằng chỉ số API hiện nay của trường là 839. Học sinh rất sẵn sàng vào đại học bốn năm ở bất cứ đâu trên toàn quốc. Giáo trình cam go và đầy thách đố đậm đà thêm với những đội thể thao, câu lạc bộ học sinh và những tổ chức dịch vụ cộng đồng của nhà trường. Đội ngũ giáo sư thượng thặng sát cánh bên nhau với quyết tâm thúc đẩy mọi học sinh học hành hết mức. Trường mở những lớp cao cấp dạy tiếng Tây Ban Nha, Khoa Học Điện Toán Cao Cấp, Lịch Sử Mỹ, Chính Phủ Hoa Kỳ, Lịch Sử Thế Giới, Anh văn, Văn Chương Anh, Hóa Học, Sinh Học, Vật Lý, và

Toán Cao Cấp AB và BC, Nghệ Thuật Tạo Hình và Thương Mại. Giáo trình nghệ thuật trình diễn gồm kịch nghệ, ca đoàn, tiến vào âm nhạc, ban nhạc giao hưởng, ban nhạc cao cấp và ban nhạc diễn hành. Các môn ngoại ngữ giảng dạy tại trường Evergreen là tiếng Việt, tiếng Pháp, và tiếng Tây Ban Nha. Kinh nghiệm trung học sâu sắc, đầy đủ và toàn diện đáng chờ đón mỗi học sinh của trường Evergreen.

Các Cơ Hội để Phụ Huynh Tham Gia (Niên Khóa 2009-10)

Mục này trình bày về các cơ hội để phụ huynh tham gia các hoạt động của trường, trong đó bao gồm cả địa chỉ liên lạc cho các hoạt động có tổ chức để phụ huynh tham gia.

Được phụ huynh và cộng đồng tham dự việc trường là điều thiết yếu cho học sinh thành đạt, cho nên trường Evergreen dành nhiều dịp cho phụ huynh gánh vác việc trường. Trường có một Hội Đồng Nhà Trường rất năng động, hội họp mỗi thứ tư đầu tháng. Các tổ chức phụ huynh khác gồm có Hội Yểm Trợ Thể Dục Thể Thao Evergreen Valley, Tổ Chức Giáo Dục Evergreen Valley, Hội Yểm Trợ Ban Nhạc, Hội Phụ Huynh người Mỹ gốc Phi châu, Hội Phụ Huynh người Mỹ gốc Ấn, và Hội Phụ Huynh nói tiếng Tây Ban Nha. Để giúp đỡ phụ huynh, trường Evergreen tổ chức nhiều đêm phổ biến thông tin cho phụ huynh về nhiều mục như xin trợ giúp tài chánh hay những thông tin khác mà phụ huynh học sinh các lớp khác nhau cần biết. Nội dung các buổi hội thảo này gồm những chủ đề như chương trình AP, thông tin đại học, trợ giúp tài chánh, và tình trạng tốt nghiệp của học sinh.

Chương trình mạng School Loop là nơi phụ huynh có thể xem điểm, điểm thi, các chương trình giảng dạy và email nói chuyện trực tiếp với giáo sư. Giáo sư có thể gửi lời nhắn phụ huynh bằng thứ tiếng mà phụ huynh nói, qua phương tiện Teleparent của nhà trường. Giáo sư cũng có thể dùng cách nhắn tin bằng điện thoại gọi là "Auto dialer" để gửi cho phụ huynh các trường hay cá biệt trường nào đó để chuyển tự động về điện thoại nhà phụ huynh hàng tuần. Nếu quý vị muốn tham dự bất cứ chương trình nào kể trên hoặc có điều gì thắc mắc, xin vui lòng gọi số chính của trường Evergreen Valley là (408) 347-7000.

Sĩ Số Học Sinh Ghi Danh Tham Gia Tính Theo Cấp Lớp (Niên Khóa 2009-10)

Bảng này cho biết số học sinh ghi danh tham gia ở mỗi cấp lớp tại trường.

Cấp Lớp	Số Học Sinh	Cấp Lớp	Số Học Sinh
Mẫu Giáo		Lớp 8	
Lớp 1		Tiểu Học Không Phân Lớp	
Lớp 2		Lớp 9	683
Lớp 3		Lớp 10	667
Lớp 4		Lớp 11	703
Lớp 5		Lớp 12	684
Lớp 6		Trung Học Cơ Sở Không Phân Lớp	
Lớp 7		Toàn Bộ Sĩ Số Học Sinh Ghi Danh Tham Gia	2731

Học Sinh Ghi Danh Tham Gia theo Nhóm (Niên Khóa 2009-10)

Bảng này trình bày về phần trăm học sinh ghi danh theo học tại trường theo từng nhóm cụ thể.

Nhóm	Mức Phần Trăm Tổng Số Ghi Danh	Nhóm	Mức Phần Trăm Tổng Số Ghi Danh
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi Châu	3.7	Người da trắng (không phải là người gốc Tây Ban Nha)	9.9
Thổ Dân Mỹ Da Đỏ hoặc Thổ Dân Alaska	0.3	Hai Sắc Tộc hoặc Hơn	0
Người Á châu	51.5	Hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	13
Người Phi luật tân	10.6	Những Người Học Tiếng Anh	7
Người gốc Tây ban nha hoặc La tinh	22.9	Học Sinh Khuyết Tật	6
Thổ Dân Hawaiian/Người Đảo Thái Bình Dương	1.0		

Sĩ Số Trung Bình và Việc Phân Bỏ Số Học Sinh Trong Lớp (Trung Học Cơ Sở)

Bảng này trình bày sĩ số trung bình trong lớp học và số lớp học theo từng môn học theo mỗi hạng mục sĩ số (mức giới hạn về tổng số học sinh trong mỗi một lớp học).

Môn Học	2007-08			2008-09			2009-10					
	Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp	Số Lớp			Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp	Số Lớp			Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp	Số lớp		
		1-22	23-32	33+		1-22	23-32	33+		1-22	23-32	33+
Anh Ngữ	28.6	10	78		28.2	11	86		31.0	4	45	36
Toán	28.5	18	55	15	28.6	19	51	20	30.8	7	29	46
Khoa Học	30.9	4	44	27	31.8	2	50	21	33.0	1	17	51
Khoa Học Xã Hội	32.1	3	27	35	30.5	2	59	6	33.7	1	12	49

III. Bầu Không Khí Nhà Trường

Kế Hoạch An Toàn Trường Học (Niên Khóa 2009-10)

Mục này trình bày về chương trình bảo vệ an toàn toàn diện của trường.

Kế Hoạch An Toàn của trường Evergreen được duyệt xét lần mới nhất vào ngày 4 tháng 2, 2009.

Trường Evergreen có kế hoạch an toàn rất chi tiết và cẩn kẽ, mô tả lè lói, hệ thống, và thủ tục phải theo khi gặp bất cứ/tất cả các tình trạng khẩn trương. Kế hoạch này cũng bao gồm những chỉ tiêu an toàn hằng năm mà học sinh, nhân viên nhà trường, và phụ huynh đề ra. Kế hoạch an toàn được Ban An Toàn trường Evergreen soạn thảo và Ban An Toàn Học Khu duyệt xét trước khi đệ trình Hội Đồng Quản Trị Học Khu East Side Union High School District để được chấp thuận. Kế hoạch an toàn và thủ tục tập dợt được toàn thể nhân viên nhà trường duyệt xét hằng năm. Mỗi năm học, những điều cảnh giác về tình trạng an toàn trong trường được toàn thể nhân viên nhà trường phổ biến cho nhau để đề phòng. Ngoài ra, tất cả những lần tập dợt theo quy định đều được ghi vào lịch công tác để thi hành và kết quả ra sao đều được thông báo cho nhân viên toàn trường biết.

Kế hoạch an toàn Trường Trung Học Evergreen Valley có ghi chi tiết để liên tục thực thi những điều sau đây:

Nội quy về hạnh kiểm

Nội quy và quy định dành cho học sinh

Nội quy về y phục

Thủ tục tập dợt an toàn/khẩn cấp

Quy định về việc đi học trễ

Quy định về việc có mặt ở trường và lớp

Thủ tục chuyển giao học sinh

Hợp tác với các cơ quan trong cộng đồng, thành phố San Jose, sở Cảnh sát San Jose, và những cơ quan và tổ chức cung ứng các dịch vụ trợ giúp khác

Tổ an toàn

Nhóm đa dịch vụ

Đình Chỉ Học Tập và Đuổi Học

Bảng này cho biết tỷ lệ bị đình chỉ học tập và đuổi học (tổng số trường hợp chia cho tổng số học sinh ghi danh tham gia) ở cấp trường và khu học chánh trong ba năm gần đây nhất.

Tỷ Lệ	Trường			Khu Học Chánh		
	2007-08	2008-09	2009-10	2007-08	2008-09	2009-10
Đình Chỉ Học Tập	12.0	12.0	4.8	30.0	16.9	12.5
Đuổi Học	0.0	0.1	0.3	0.1	0.1	0.2

IV. Cơ Sở Vật Chất Nhà Trường

Tình Trạng và Biện Pháp Cải Tiến Cơ Sở Vật Chất Nhà Trường (Niên Khóa 2010-11)

Mục này trình bày về tình trạng sân trường, các tòa nhà, và nhà vệ sinh dựa trên dữ liệu hiện có mới đây nhất, và phần trình bày về bất kỳ dự án cải tiến cơ sở vật chất nào được dự định sẽ thực hiện hoặc mới được hoàn tất.

Khái quát

Học khu nỗ lực bảo đảm là các trường đều sạch sẽ, an toàn, và làm việc đúng mức. Để thực hiện những điều này, học khu áp dụng chính sách thăm dò các cơ sở vật chất mà Phòng Xây Dựng Các Trường Công Lập Tiểu Bang California đề ra. Văn phòng nhà trường và văn phòng học khu luôn có sẵn những kết quả thăm dò này.

Trường, Lớp Cũ Kỹ

Mặc dù khu trường chính được xây năm 2002, trường cũng lắp thêm một số nhà gỗ làm lớp học cho số học sinh gia tăng trong cộng đồng Evergreen Valley. Tòa nhà mới xây đã khai trương và có thêm 15 phòng học và 3 phòng thí nghiệm khoa học.

Tiến trình và lịch trình dọn dẹp sạch sẽ

Hội Đồng Quản Trị Học Khu chấp chiếu sử dụng những tiêu chuẩn lau chùi dọn dẹp mọi trường trong học khu. Ban lãnh đạo ngày ngày làm việc với nhân viên tạp dịch để trường học lúc nào cũng sạch sẽ và an toàn.

Ngân sách bảo trì trả chậm

Học khu tham gia Chương Trình Bảo Trì mà Tiểu Bang Trả Chậm cho Nhà Trường. Chương trình này cung cấp kinh phí thích đáng trên cơ sở trả từng đồng một, để giúp các học khu chi trả khi phải sửa chữa lớn hoặc thay thế cục bộ những nơi phải xây dựng trong trường. Điển hình là sửa mái nhà, ống nước, hệ thống sưởi, điều hòa không khí, điện, sơn bên trong và ngoài nhà, và tu sửa sàn nhà.

Tình Trạng Cơ Sở Vật Chất Hoạt Động Tốt (Niên Khóa 2010-11)

Bảng này trình bày về kết quả kiểm tra cơ sở nhà trường mới được hoàn tất trong thời gian gần đây nhất để xác định tình trạng hoạt động tốt của cơ sở vật chất trong trường.

Những mục đã thanh tra	Tình trạng Sửa Chữa			Cần sửa, đã sửa, hoặc dự tính sửa chữa
	Tốt	Tạm được	Xấu	
Xi ga	x			
Các hệ thống cơ khí	x			
Cửa sổ/cửa ra vào/cổng (bên trong và bên ngoài)	x			
Bề mặt bên trong phòng (tường, nền nhà, và trần nhà)	x			
Vật liệu dễ gây hiểm họa (bên trong và bên ngoài)	x			

Hư hại về cấu trúc	x			
An toàn phòng hỏa	x			
Điện (bên trong và bên ngoài)	x			
Chuột bọ	x			
Máy nước uống (bên trong và bên ngoài)	x			
Phòng vệ sinh	x			
Cống rãnh	x			
Sân chơi/Sân trường	x			
Các sân thể dục, thể thao		x		Sân football đã được trồng cỏ mới vào mùa hè năm 2010. Sẽ tiếp tục trồng cỏ mới khi có thêm ngân quỹ. Sân điền kinh và sân bóng rổ cần phải trải nhựa. Sẽ tráng nhựa khi có ngân quỹ.
Đánh giá chung	x			

V. Giáo Viên

Chứng Nhận Trình Độ Giáo Viên

Bảng này cho biết số giáo viên được phân về một trường và có chứng nhận trình độ đầy đủ, không có chứng nhận đầy đủ và những giáo viên giảng dạy ngoài phạm vi chuyên môn của mình. Quý vị có thể tìm hiểu thông tin chi tiết về bằng cấp học vấn của giáo viên trên Trang Mạng Điện Toán *DataQuest* của CDE tại <http://dq.cde.ca.gov/dataquest/>.

Giáo viên	Trường			Khu Học Chánh
	2007-08	2008-09	2009-10	2009-10
Có Chứng Nhận Trình Độ Đầy Đủ	88	93	105	1065
Không Có Chứng Nhận Trình Độ Đầy Đủ	18	13	3	63
Giảng Dạy Ngoài Phạm Vi Chuyên Môn	0	0	0	không áp dụng

Các Trường Hợp Phân Công Giáo Viên Trái Phép và Các Vị Trí Giáo Viên Còn Trống

Bảng này cho biết số trường hợp phân công giáo viên trái phép (giáo viên được phân công việc mà không có sự cho phép hợp pháp) và số vị trí giáo viên còn trống (không có giáo viên nào được chỉ định để giảng dạy toàn bộ khóa học khi bắt đầu năm học hoặc học kỳ). Lưu ý: *Tổng Số Trường Hợp Phân Công Giáo Viên Trái Phép* bao gồm cả số *Trường Hợp Phân Công Giáo Viên Anh Ngữ Trái Phép*.

Yếu Tố Chỉ Báo	2008-09	2009-10	2010-11
Các Trường Hợp Phân Công Giáo Viên Anh Ngữ Trái Phép	6	0	1
Tổng số trường hợp phân công giáo viên trái phép	6	0	1
Số Vị Trí Giáo Viên Còn Trống	2	0	0

Các Buổi Học Chính do Giáo Viên Giỏi Giảng Dạy (Niên Khóa 2009-10)

Bảng này cho biết mức phần trăm số buổi học của các môn học chính do Các Giáo Viên Giỏi giảng dạy, theo định nghĩa trong Đạo Luật Giáo Dục Tiểu Học và Trung Học (ESEA), ở một trường, ở tất cả các trường trong khu học chánh, ở các trường có nhiều học sinh nghèo khó trong khu học chánh, và ở các trường có tỷ lệ học sinh nghèo khó thấp trong khu học chánh. Các trường có nhiều học sinh nghèo khó được định nghĩa là những trường có tỷ lệ học sinh hội đủ điều kiện tham gia chương trình các bữa ăn giảm giá và miễn phí là khoảng 40 phần trăm hoặc hơn. Các trường có tỷ lệ học sinh nghèo khó thấp là những trường có tỷ lệ học sinh hội đủ điều kiện tham gia chương trình các bữa ăn giảm giá và miễn phí là khoảng 25% hoặc ít hơn. Quý vị có thể tìm hiểu thêm các tiêu chuẩn trình độ của giáo viên theo luật ESEA trên trang Web về Cải Tiến Chất Lượng dành cho Hiệu Trường và Giáo Viên của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/nclb/sr/tq/>.

Địa Điểm Các Lớp Học	Số Phần Trăm Lớp Học về Các Môn Học Chính	
	Do Các Giáo Viên Giỏi Giảng Dạy	Không Do Các Giáo Viên Giỏi Giảng Dạy
Trường Đây	99	1
Tất Cả Các Trường trong Khu Học Chánh	97	3
Các Trường Có Tỷ Lệ Học Sinh Nghèo Cao trong Khu Học Chánh	95	5
Các Trường Có Tỷ Lệ Học Sinh Nghèo Thấp trong Khu Học Chánh	99	1

VI. Nhân Viên Trợ Giúp

Các Cố Vấn Viên Học Tập và Các Nhân Viên Trợ Giúp Khác (Niên Khóa 2009-10)

Bảng này trình bày (theo các đơn vị tương đương toàn thời gian (FTE), số cố vấn viên học tập và các nhân viên trợ giúp khác được phân về trường và số học sinh trung bình trên mỗi cố vấn viên học tập. Một FTE học tập tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian.

Chức Vụ	Số FTE Được Phân về Trường	Số Học Sinh Trung Bình Trên mỗi Cố Vấn Viên Học Tập
Cố Vấn Viên Học Tập	2	1312
Chuyên Gia Cố Vấn (Phát Triển Nghề Nghiệp hoặc Giao Tiếp/Hành Vi)		không áp dụng
Giáo Viên Truyền Thông Thư Viện (Nhân Viên Thư Viện)	0.2	không áp dụng
Nhân Viên Dịch Vụ Truyền Thông Thư Viện (bán nghiệp dư)	0.75	không áp dụng
Tâm Lý Gia		không áp dụng
Nhân Viên Xã Hội		không áp dụng
Y Tá		không áp dụng
Chuyên Gia về Phát Ngôn/Ngôn Ngữ/Thính Giác		không áp dụng
Chuyên Gia Nguồn Trợ Giúp (không giảng dạy)		không áp dụng
Nhân Viên Khác		không áp dụng

VII. Chương Trình Học và Các Tài Liệu Giảng Dạy

Phẩm Chất, Tình Trạng Hiện Tại, và Tình Trạng Có Sẵn Sách Giáo Khoa và Tài Liệu Giảng Dạy (Niên Khóa 2010-11)

Bảng này trình bày thông tin về chất lượng, mức độ phổ biến, và tình trạng có sẵn của các loại sách giáo khoa theo tiêu chuẩn và các tài liệu giảng dạy khác được sử dụng tại trường; các cuốn sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy này có phải là tài liệu được phê chuẩn gần đây nhất hay không (có/không); và thông tin về việc trường sử dụng các giáo trình trợ giúp giảng dạy hoặc các cuốn sách giáo khoa hoặc tài liệu giảng dạy không được phê chuẩn hay không.

TÊN BỘ MÔN VÀ SÁCH SỬ DỤNG	NHÀ XUẤT BẢN	NĂM XUẤT BẢN	SỐ PHẦN TRĂM HỌC SINH THIẾU SÁCH, TÀI LIỆU GIẢNG DẠY HAY THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM KHOA HỌC ĐỂ SỬ DỤNG RIÊNG	SÁCH GIÁO KHOA VÀ TÀI LIỆU GIẢNG DẠY MỚI NHẤT ĐƯỢC CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG HOẶC SBE PHÊ CHUẨN

ANH VĂN					
Anh ngữ 1 – “The Language of Literature Ninth Grade”	McDougal Littell	2002	0		có
Anh ngữ 2 – “The Language of Literature” Grade 10	McDougal Littell	2002	0		có
Anh ngữ 3 – “Timeless Voices Timeless Themes Am. Experience”	Prentice Hall	2000	0		có
Anh ngữ 4 – “The Language of Literature World Literature”	McDougal Littell	2002	0		có
TOÁN					
Đại số I – “Algebra 1”	McDougal Littell	2007	0		có
Hình học – “Geometry”	McDougal Littell	2007	0		có
Đại số II – “Algebra 2”	McDougal Littell	2007	0		có
Toán tích phân – “Precalculus With Limits”	Houghton Mifflin	2001	0		có
KHOA HỌC					
Khoa học kết hợp 1 – “Conceptual Khoa Học Thực Thể / Explorations”	Addison-Wesley	1999, 2003	0		có
Sinh học – “Biology: Exploring Life”	Prentice-Hall	2004	0		có
Hóa học – “Chemistry: Connections to our Changing World”	Prentice-Hall	2000, 2002	0		có
Vật lý – “Conceptual Physics”	Addison-Wesley	1992, 99, 02, 06	0		có
KHOA HỌC XÃ HỘI					
Sử thế giới – “Modern World History”	McDougal-Littell	2003	0		có
Sử Hoa Kỳ – “The American Vision”	Glencoe/McGraw Hill	2006	0		có
Chính phủ Mỹ – “Magruder’s American Government”	Prentice Hall	2007	0		có
Chính phủ Mỹ – “We the People”	Center for Civic Education	2002	0		có
TÊN BỘ MÔN	PHẨM CHẤT, MỨC ĐỘ THÌNH HÀNH, VÀ TÌNH TRẠNG SẴN CỎ CỦA CÁC SÁCH GIÁO KHOA VÀ TÀI LIỆU GIẢNG DẠY	SỐ PHẦN TRĂM HỌC SINH THIỂU SÁCH, TÀI LIỆU GIẢNG DẠY HAY THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM KHOA HỌC ĐỂ SỬ DỤNG RIÊNG	CÁC CUỘN SÁCH GIÁO KHOA VÀ TÀI LIỆU GIẢNG DẠY NÀY CỎ PHẢI LÀ TÀI LIỆU ĐƯỢC PHÊ CHUẨN GẦN ĐÂY NHẤT HAY KHÔNG		

NGOẠI NGỮ	Các sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy mà nhà trường sử dụng đều theo đúng tiêu chuẩn và được chính thức chấp nhận	0	CÓ
KHOA HỌC Y TẾ	Các sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy mà nhà trường sử dụng đều theo đúng tiêu chuẩn và được chính thức chấp nhận	0	CÓ
NGHỆ THUẬT TRÌNH DIỄN & TẠO HÌNH	Các sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy mà nhà trường sử dụng đều theo đúng tiêu chuẩn và được chính thức chấp nhận	0	CÓ
THIẾT BỊ CHO CÁC PHÒNG THÍ NGHIỆM KHOA HỌC	Các phòng thí nghiệm khoa học được trang bị đúng mức	0	CÓ

VIII. Tình Hình Tài Chánh của Trường

Chi Phí cho Mỗi Học Sinh và Mức Lương của Giáo Viên Trường (Năm Tài Khóa 2008-09)

Bảng này so sánh chi phí cho mỗi học sinh từ các nguồn không hạn chế (căn bản) của trường so với các trường học khác trong khu học chánh và trên toàn tiểu bang, và so sánh mức lương trung bình của giáo viên tại trường với mức lương trung bình của giáo viên trong khu học chánh và tiểu bang. Quý vị có thể tìm hiểu thông tin chi tiết về các khoản chi phí của trường trên Trang Mạng Điện Toán về Chi Phí Giáo Dục Hiện Nay và cho mỗi học sinh của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/ds/fd/ec/> và lương giáo viên có thể tìm thấy trên trang mạng về Lương Bổng và Quyền Lợi Được Xác Nhận của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs/>.

Cấp	Tổng Chi Phí Trên Mỗi Học Sinh	Chi Phí Trên Mỗi Học Sinh (Phụ Trội/Giới Hạn)	Chi Phí Trên Mỗi Học Sinh (Cơ Bản/Không Giới Hạn)	Mức Lương Trung Bình của Giáo Viên
Trường	5841	1183	4658	73265
Khu Học Chánh	không áp dụng	không áp dụng	6130	79216
Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm - Trường và Khu Học Chánh	không áp dụng	không áp dụng	-32%	-8%
Tiểu Bang	không áp dụng	không áp dụng	5681	65959
Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm - Trường và Tiểu Bang	không áp dụng	không áp dụng	-22%	10%

Các Dạng Dịch Vụ Được Tài Trợ (Tài Khóa 2009-10)

Mục này cung cấp thông tin về các chương trình và các dịch vụ phụ trợ (ví dụ, như thông tin về các dịch vụ phụ đạo liên quan tới tình trạng Cải Tiến Chương Trình theo luật liên bang của trường đó), được cung cấp tại trường qua ngân khoản theo hạng mục hoặc các nguồn khác.

Trường Evergreen Valley mở những lớp luyện thi cho những học sinh cần thi đấu kỳ Thi Ra Trường Trung Học theo Quy Định của Tiểu Bang California (CAHSEE). Ngoài ra, các em lớp 9 điểm kém về đọc hiểu cũng ghi danh vào lớp tập đọc, sử dụng chương trình "Read 180". Các em lớp 9 điểm kém về toán thì ghi danh vào lớp luyện thi CAHSEE Toán và cũng học lớp Đại số 1. Tất cả mọi nhân viên nhà trường đều tiếp tục được tu nghiệp bằng các chương trình TESA [Teacher Expectations and Student Achievement (Giáo Sư Phấn Đấu và Học Sinh Thành Đạt)], [Differentiated Instruction (Giảng Dạy Theo Trình Độ Cá Nhân Mỗi Học Sinh)] và những chương trình Kỹ Thuật.

Lương Giáo Viên và Lương Nhân Viên Hành Chánh (Tài Khóa 2008-09)

Bảng này trình bày về lương bổng của khu học chánh dành cho các giáo viên, hiệu trưởng, và giám đốc học khu, và so sánh với mức trung bình của tiểu bang dành cho các khu học chánh có cùng qui mô và hình thức hoạt động. Bảng này cũng trình bày về mức lương của giáo viên và nhân viên hành chánh dưới hình thức phần trăm ngân sách của khu học chánh và so sánh các con số này với mức trung bình trên toàn tiểu bang đối với các khu học chánh có cùng qui mô và hình thức hoạt động. Quý vị có thể tìm hiểu thêm thông tin chi tiết về mức lương trên Trang Mạng Điện Toán của Lương Bổng và Quyền Lợi thuộc CDE Được Xác Nhận tại <http://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs/>.

Hạng Mục	Số Tiền của Khu Học Chánh	Mức Trung Bình của Tiểu Bang Dành cho Các Khu Học Chánh Trong Cùng Một Hạng Mục
Lương Khởi Điểm của Giáo Viên	48434	43096
Mức Lương Trung Bình của Giáo Viên	79527	70018
Mức Lương Cao Nhất của Giáo Viên	98141	89675
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Tiểu Học)	không áp dụng	không áp dụng
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Trung Học Cơ Sở)	không áp dụng	không áp dụng
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Trung Học)	126763	128615
Mức Lương của Giám Đốc Học Khu	239188	204469
Số Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương Giáo Viên	39.6	không áp dụng
Số Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương cho Nhân Viên Hành Chánh	3.9	không áp dụng

IX. Kết Quả Học Tập của Học Sinh

Chương Trình Thi và Báo Cáo Tiêu Chuẩn của California

Chương Trình Báo Cáo và Khảo Thí Được Tiêu Chuẩn Hóa (STAR) bao gồm nhiều phần chính, trong đó bao gồm các Kỳ Thi Tiêu Chuẩn của Tiểu Bang California (CST); Thảm Định Tu Chính của California (CMA), và Thảm Định Kết Quả Hoạt Động Thay Thế Khác của California (CAPA). Các cuộc thảm định theo chương trình STAR cho biết kết quả thành tích của học sinh dựa trên các tiêu chuẩn về nội dung môn học của tiểu bang. Các CST bao gồm Anh ngữ-văn khoa ngôn ngữ (ELA) và toán cho các lớp từ hai tới bảy; khoa học cho lớp năm, tám và chín cho tới lớp mười một; và lịch sử-khoa học xã hội cho các lớp tám và chín cho tới mười một. CAPA gồm có ELA và toán cho các lớp từ hai tới mười một, và khoa học cho các lớp năm, tám và mười. CAPA dành cho các học sinh có tình trạng khuyết tật về nhận thức nghiêm trọng, là những em có tình trạng khuyết tật khiến các em không thể dự các kỳ thi CST với phương tiện trợ giúp đặc biệt hoặc điều chỉnh, hoặc CMA với phương tiện trợ giúp đặc biệt. CMA là dạng thảm định thay thế dựa trên các tiêu chuẩn về thành tích học tập đã được sửa đổi cho môn ELA dành cho các lớp từ ba tới chín, toán cho các lớp từ ba tới bảy và Đại Số I và khoa học cho các lớp năm, tám và mười. CMA được thiết kế để đánh giá những học sinh có tình trạng khuyết tật khiến các em không thể đạt được mức độ thành thạo theo cấp lớp trong kỳ thảm định các tiêu chuẩn nội dung môn học của tiểu bang California, cho dù có hoặc không có các phương tiện trợ giúp đặc biệt. Trong mỗi kỳ thảm định này, điểm của học sinh được báo cáo dưới dạng trình độ học tập. Để biết thông tin chi tiết về kết quả Chương Trình STAR cho mỗi cấp lớp và trình độ học tập, trong đó bao gồm cả số phần trăm học sinh không dự thi, vui lòng tới trang mạng điện toán về Kết Quả Báo Cáo và Khảo Thí Tiêu Chuẩn (STAR) của CDE tại <http://star.cde.ca.gov>. Quý vị có thể tìm hiểu thông tin chương trình về Chương Trình STAR trong tài liệu cẩm nang hướng dẫn Giải Trình Kết Quả Tóm Lược về Chương Trình STAR năm 2009 dành cho Công Chúng tại <http://www.cde.ca.gov/ta/tg/sr/documents/pkt5intrpts09.pdf>.

Ghi chú: Điểm số không được cho thấy khi số học sinh thi từ mười người trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ nên không chính xác về mặt thống kê hoặc để bảo vệ cho sự kín đáo của học sinh. Trong bất cứ trường hợp nào điểm số theo nhóm cũng không được báo cáo vì sẽ vô tình hay cố ý công bố điểm số hoặc thành tích của bất kỳ cá nhân học sinh nào.

Kết Quả Thi và Báo Cáo Tiêu Chuẩn cho Tất Cả Các Học Sinh - So Sánh Ba Năm

Bảng này cho biết số phần trăm học sinh đạt mức độ Thông Thạo hoặc Xuất Sắc (đạt hoặc vượt quá các tiêu chuẩn của tiểu bang).

Môn Học	Trường			Khu Học Chánh			Tiểu Bang		
	2007-08	2008-09	2009-10	2007-08	2008-09	2009-10	2007-08	2008-09	2009-10
Văn Khoa Anh Ngữ	65	70	68	44	47	48	46	50	52
Toán	43	47	50	23	26	27	43	46	48
Khoa Học	70	68	72	44	45	46	46	50	54
Lịch Sử Xã Hội Học	60	63	60	34	39	39	36	41	44

Kết Quả Thi và Báo Cáo Tiêu Chuẩn theo Nhóm Học Sinh – Năm Gần Đây Nhất

Bảng này trình bày phần trăm học sinh, tính theo nhóm, đạt kết quả Thông Thạo hoặc Xuất Sắc (đạt hoặc vượt quá các tiêu chuẩn của tiểu bang) trong kỳ thi gần đây nhất.

Nhóm	Số Phần Trăm Học Sinh Đạt Được Điểm ở Mức Thông Thạo hoặc Xuất Sắc			
	Anh Ngữ-Văn Khoa	Toán	Khoa Học	Lịch Sử-Khoa Học Xã Hội
Tất Cả Các Học Sinh tại LEA	48	27	37	40
Tất Cả Các Học Sinh ở Trường	68	50	72	60
Nam	65	49	76	63
Nữ	72	51	68	55
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi Châu	39	16	29	29
Thổ Dân Mỹ Da Đỏ hoặc Thổ Dân Alaska	không áp dụng	không áp dụng	không áp dụng	không áp dụng
Người Á châu	81	68	86	72
Người Phi luật tân	69	44	79	59
Người gốc Tây ban nha hoặc La tinh	44	19	45	35
Thổ Dân Hawaiian/Người Đảo Thái Bình Dương	44	41	N/A	38
Người da trắng	76	48	74	71
Hai Sắc Tộc hoặc Hơn	không áp dụng	không áp dụng	không áp dụng	không áp dụng
Có Hoàn Cảnh Kinh Tế Xã Hội Khó Khăn	47	34	55	41
Các Học Viên Anh Ngữ	18	20	29	16
Học Sinh Bị Khuyết Tật	18	20	15	18
Những Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành cho Di Dân	8	không áp dụng	không áp dụng	9

Kỳ Thi Tốt Nghiệp Trung Học California

Kỳ Thi Ra Trường Cấp Trung Học California (CAHSEE) chủ yếu sử dụng dưới dạng yêu cầu tốt nghiệp. Tuy nhiên, kết quả lớp mười của kỳ thi này cũng được sử dụng để xác định số phần trăm học sinh ở ba cấp trình độ thông thạo (không thông thạo, thông thạo, hoặc giỏi) trong môn ELA và toán để tính toán sắp xếp các mức Tiến Bộ Hàng Năm Đạt Yêu Cầu (AYP) theo Đạo Luật NCLB của liên bang ban hành năm 2001. Thông tin chi tiết về các kết quả của CAHSEE có thể tìm thấy tại trang mạng điện toán của Thi Tốt Nghiệp Trung Học California (CAHSEE) thuộc CDE tại

<http://cahsee.cde.ca.gov/>. Lưu ý: Không cho thấy điểm số khi số học sinh đi thi là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê, hoặc để bảo vệ cho sự kín đáo của học sinh. Trong bất cứ trường hợp nào điểm số theo nhóm cũng không được báo cáo dù cố tình hay vô ý công bố điểm hoặc thành tích của bất cứ cá nhân học sinh nào.

Kết Quả Thi Ra Trường Cấp Trung Học California dành cho Tất Cả Các Học Sinh Lớp Mười - So Sánh Ba Năm (nếu thích hợp)

Bảng này trình bày số phần trăm học sinh đạt được mức Thành Thạo hoặc Xuất Sắc về Anh Ngữ-văn khoa ELA và toán học.

Môn Học	Trường			Khu Học Chánh			Tiểu Bang		
	2007-08	2008-09	2009-10	2007-08	2008-09	2009-10	2007-08	2008-09	2009-10
Anh Ngữ - Văn Khoa	75.7	74.9	75	55.1	55.1	58.0	52.9	52.0	54.0
Toán	83.0	79.1	77	59.6	59.6	58.0	51.3	53.3	53.0

Kết Quả Thi Ra Trường Cấp Trung Học Lớp Mười của Tiểu Bang California theo Nhóm Học Sinh - Năm Gần Đây Nhất (nếu thích hợp)

Bảng này trình bày số phần trăm học sinh, theo nhóm, đạt được ở mỗi mức thành tích về Anh Ngữ - Văn Khoa ELA và toán cho kỳ thi gần đây nhất.

Nhóm	Anh Ngữ - Văn Khoa			Toán		
	Không Thành Thạo	Thành Thạo	Xuất Sắc	Không Thành Thạo	Thành Thạo	Xuất Sắc
Tất Cả Các Học Sinh tại LEA	44	24	32	42	35	23
Tất Cả Các Học Sinh ở Trường	26	23	51	23	34	43
Nam	26	26	48	22	33	45
Nữ	25	21	54	25	34	41
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi Châu	44.4	33.3	22.2	57.7	30.8	11.5
Thổ Dân Mỹ Da Đỏ hoặc Thổ Dân Alaska	*	*	*	*	*	*
Người Á châu	15	19	66	8	31	62
Người Phi luật tân	17.1	35.7	47.1	21.1	45.1	33.8
Người gốc Tây ban nha hoặc La tinh	52	24	24	54	32	14
Thổ Dân Hawaiian/Người Đảo Thái Bình Dương	*	*	*	*	*	*
Người da trắng	17	29	54	20	38	43
Hai Sắc Tộc hoặc Hơn	không áp dụng	không áp dụng	không áp dụng	không áp dụng	không áp dụng	không áp dụng
Có Hoàn Cảnh Kinh Tế Xã Hội Khó Khăn	44	24	32	40	30	31
Các Học Viên Anh Ngữ	66	26	8	51	34	16
Học Sinh Bị Khuyết Tật	90	3.3	6.7	86.2	6.9	6.9
Những Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành cho Di Dân	*	*	*	*	*	*

Kết Quả Kỳ Thi Thể Dục California (Niên Khóa 2009-10)

Kỳ Thi Thể Dục California chỉ dành cho các học sinh lớp năm, bảy, và chín. Bảng này cho biết số phần trăm học sinh đạt được các tiêu chuẩn sức khỏe tính theo cấp lớp trong kỳ kiểm tra gần đây nhất. Quý vị có thể tìm hiểu thêm thông tin về kỳ thi này và thông tin so sánh kết quả thi của trường với cấp học chánh và khu vực tại Trang Mạng Điện Toán về Kỳ Thi Thể Dục của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/ta/tg/pf/>. Lưu ý: Các điểm số sẽ không hiển thị khi số học sinh dự thi bằng hoặc thấp hơn mười, hoặc vì số học sinh trong hạng mục này quá ít nên không thể thống kê chính xác, hoặc để bảo vệ sự riêng tư của học sinh. Trong bất cứ trường hợp nào điểm số theo nhóm cũng không được báo cáo dù cố tình hay vô ý công bố điểm hoặc thành tích của bất cứ cá nhân học sinh nào.

Cấp Lớp	Phần Trăm Học Sinh Đạt Tiêu Chuẩn Sức Khỏe Tốt		
	Bốn trong Sáu Tiêu Chuẩn	Năm trong Sáu Tiêu Chuẩn	Sáu trong Sáu Tiêu Chuẩn
9	11.3	27.0	49.4

X. Trách Nhiệm

Chỉ Số Kết Quả Học Tập

Chỉ Số Kết Quả Học Tập (Academic Performance Index - API) là phương pháp đánh giá hàng năm về kết quả học tập và tiến bộ của các trường tại tiểu bang California. Điểm API nằm ở mức 200 tới 1,000, với mức mục tiêu trên toàn tiểu bang là 800. Quý vị có thể tìm đọc thông tin chi tiết về Chỉ Số Thành Tích Học Vấn (API) của CDE trên Trang Mạng Điện Toán của API tại <http://www.cde.ca.gov/ta/ac/ap/>.

Mức Xếp Hạng Chỉ Số Thành Tích Học Vấn – So Sánh Ba Năm

Bảng này trình bày về các mức xếp hạng API trên toàn tiểu bang của trường đó và các trường tương tự. Mức xếp hạng này nằm trong khoảng từ 1 tới 10. Mức xếp hạng 1 có nghĩa là trường nằm trong mười phần trăm số trường có điểm API thấp nhất trong tiểu bang, còn mức xếp hạng 10 có nghĩa là trường nằm trong mười phần trăm số trường có điểm API

cao nhất tiểu bang. Mức xếp hạng API của các trường tương tự phản ánh sự so sánh của một trường với 100 “trường tương tự” giống nhau về mặt thống kê. Mức xếp hạng 1 của các trường tương tự có nghĩa là kết quả học tập của trường đó tương ứng với mười trường có kết quả thấp nhất trong số 100 trường tương tự, còn mức thứ hạng 10 của các trường tương tự có nghĩa là kết quả học tập của trường đó cao hơn ít nhất 90 trong số 100 trường tương tự.

Mức Xếp Hạng API	2007	2008	2009
Trên Toàn Tiểu Bang	10	9	9
Các Trường Tương Tự	9	8	4

Sự Gia Tăng về Chỉ Số Thành Tích Học Vấn Theo Nhóm Học Sinh – So Sánh Ba Năm

Bảng này trình bày về các thay đổi API thực tế theo nhóm học sinh dựa trên điểm cộng thêm hoặc bị mất trong ba năm vừa qua, . Lưu ý: "N/A" có nghĩa là số lượng học sinh trong nhóm học sinh đó không đủ đông.

Nhóm Học Sinh	Thay Đổi API Thực Tế		
	2007-08	2008-09	2009-10
Tất Cả Học Sinh trong Trường	1	10	2
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi Châu	không áp dụng	không áp dụng	không áp dụng
Thổ Dân Mỹ Da Đỏ hoặc Thổ Dân Alaska	không áp dụng	không áp dụng	không áp dụng
Người Á châu	0	7	8
Người Phi luật tân	-11	32	7
Người gốc Tây ban nha hoặc La tinh	-4	14	-24
Thổ Dân Hawaiian/Người Đảo Thái Bình Dương	không áp dụng	không áp dụng	không áp dụng
Người da trắng	6	2	0
Hai Sắc Tộc hoặc Hơn	không áp dụng	không áp dụng	không áp dụng
Hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	-15	-16	6
Những Người Học Tiếng Anh	-20	-9	-18
Học Sinh Khuyết Tật	35	không áp dụng	không áp dụng

Mức Tăng Chỉ Số Kết Quả Học Tập theo Nhóm Học Sinh - So Sánh API Tăng Trưởng 2010

Bảng này trình bày tỷ lệ API Tăng Trưởng 2010, theo nhóm học sinh, ở cấp trường, LEA, và tiểu bang.

Nhóm Học Sinh	API Tăng Trưởng Năm 2010		
	Trường	LEA	Tiểu Bang
Tất Cả Học Sinh trong Trường	839	736	729
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi Châu	không áp dụng	674	638
Thổ Dân Mỹ Da Đỏ hoặc Thổ Dân Alaska	không áp dụng	không áp dụng	703
Người Á châu	894	848	857
Người Phi luật tân	833	786	812
Người gốc Tây ban nha hoặc La tinh	744	648	672
Thổ Dân Hawaiian/Người Đảo Thái Bình Dương	không áp dụng	690	706
Người da trắng	847	786	801
Hai Sắc Tộc hoặc Hơn	không áp dụng	747	747
Hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	742	687	669
Những Người Học Tiếng Anh	717	633	626
Học Sinh Khuyết Tật	không áp dụng	453	494

Tiến Bộ Hàng Năm Đạt Yêu Cầu

Đạo Luật Giáo Dục Tiểu Học và Trung Học của Liên Bang qui định tất cả các trường và khu học chánh phải đạt các tiêu chí về Tiến Bộ Hàng Năm Đạt Yêu Cầu (AYP) sau đây:

- Tỷ lệ tham gia các kỳ thẩm định dựa trên chỉ tiêu tiểu bang trong môn văn khoa Anh ngữ (ELA) và toán
- Phần trăm học sinh đạt trình độ thông thạo trong các kỳ thẩm định dựa trên các chỉ tiêu của tiểu bang trong môn ELA và toán
- API là công cụ chỉ báo bổ sung
- Tỷ lệ tốt nghiệp (dành cho các trường trung học cơ sở)

Quý vị có thể tìm đọc thông tin chi tiết về AYP, trong đó bao gồm cả tỷ lệ tham gia và số phần trăm học sinh đạt trình độ thông thạo, hiển thị theo nhóm học sinh trên Trang Mạng Điện Toán về Sự Tiến Bộ Thích Hợp Hàng Năm của CDE (AYP) tại <http://www.cde.ca.gov/ta/ac/ay/>.

Sự Tiến Bộ Thích Hợp Hàng Năm Tổng Quát và theo Tiêu Chuẩn (Niên Học 2009-10)

Bảng này cho biết trường và khu học chánh có đạt AYP nếu xét toàn diện và trường và khu học chánh có đạt từng tiêu chí trong số sáu tiêu chí AYP nói trên hay không.

Chỉ tiêu AYP	Trường	Khu Học Chánh
Tổng Quát	không	không
Tỷ Lệ Tham Gia - Văn Khoa Anh Ngữ	có	không
Tỷ Lệ Tham Gia - Toán	có	có
Mức Phần Trăm Thông Thạo - Văn Khoa Anh Ngữ	không	không
Mức Phần Trăm Thông Thạo - Toán	không	không
API	có	có
Tỷ Lệ Tốt Nghiệp	không	có

Chương Trình Can Thiệp của Liên Bang (Niên Khóa 2010-11)

Các trường và khu học chánh được nhận ngân quỹ trợ cấp liên bang Tiêu Đề I sẽ vào diện cần Cải Tiến Chương Trình (PI) nếu họ không đạt AYP trong hai năm liên tiếp trong cùng một môn học (văn khoa Anh ngữ ELA hoặc toán) hoặc đối với cùng một yếu tố chỉ báo (API hoặc tỷ lệ tốt nghiệp). Sau khi vào diện PI, các trường và khu học chánh sẽ chuyển sang cấp độ can thiệp kế tiếp sau mỗi năm khi các trường không đạt AYP. Quý vị có thể tìm đọc thông tin chi tiết về việc nhận biết tình trạng PI trên Trang Mạng Điện Toán về Sự Tiến Bộ Thích Hợp Hàng Năm của CDE (AYP) tại <http://www.cde.ca.gov/ta/ac/ay/>.

Yếu Tố Chỉ Báo	Trường	Khu Học Chánh
Tình Trạng Cải Tiến Chương Trình	"Not receiving Title 1 Funds"	"In PI"
Năm Đầu Tiên Cải Tiến Chương Trình		2004-2005
Năm Tham Gia Cải Tiến Chương Trình		"Year 3"
Số Trường Hiện Đang Tham Gia Cải Tiến Chương Trình	không áp dụng	9
Số Phần Trăm Trường Hiện Đang Tham Gia Cải Tiến Chương Trình	không áp dụng	60

XI. Hoàn Tất Chương Trình Học và Chuẩn Bị Sau Trung Học

Các Yêu Cầu Để Được Nhận Vào Học Tại Các Trường Đại Học Công Lập California

University of California

Các yêu cầu về nhập học đối với University of California (UC) theo đúng các qui định hướng dẫn trong Kế Hoạch Chính. Kế hoạch này qui định một phần tám số học sinh tốt nghiệp trung học giỏi nhất của tiểu bang, cũng như các học sinh chuyển trường đã hoàn tất thành công khóa học đại học nhất định, sẽ hội đủ điều kiện được nhận vào trường UC. Các đòi hỏi này được thiết kế để đảm bảo là mọi học sinh hội đủ điều kiện phải chuẩn bị thích hợp cho bài với trình độ Đại Học. Để biết các yêu cầu thu nhận tổng quát xin viếng Trang Mạng về Thông Tin Thu Nhận Tổng Quát tại <http://www.universityofcalifornia.edu/admissions/general.html>. (Nguồn Bên Ngoài)

California State University

Các yêu cầu để được nhận vào học tại California State University (CSU) dùng ba yếu tố để xác định khả năng hội đủ điều kiện. Đó là các khóa học cụ thể của trung học; điểm số của các khóa học quy định và điểm thi; và tốt nghiệp trung học. Một số trường có các tiêu chuẩn cao hơn cho các môn chính nhất định hoặc các học sinh nào sống bên ngoài khu vực trường địa phương. Vì sĩ số học sinh làm đơn xin, một vài trường có các tiêu chuẩn cao hơn (tiêu chuẩn thu nhận bổ sung) cho tất cả các đơn. Đa số các trường CSU sử dụng các chính sách bảo đảm thu nhận tại địa phương cho các học sinh nào tốt nghiệp hoặc chuyển trường từ các trường trung học và đại học đã có quá trình được trường CSU phục vụ tại khu vực đó. Để biết các yêu cầu thu nhận tổng quát xin viếng Trang Mạng của California State University tại <http://www.calstate.edu/admission/>. (Nguồn Bên Ngoài)

Tỷ Lệ Bỏ Học Giữa Chừng và Tỷ Lệ Tốt Nghiệp

Bảng này cho biết tỷ lệ bỏ học giữa chừng và tỷ lệ tốt nghiệp trong một năm của trường đó, dành cho ba năm gần đây nhất cho những dữ liệu có sẵn. Vì các mục đích so sánh, chúng tôi cũng cung cấp các dữ liệu ở cấp khu học chánh và tiểu bang. Quý vị có thể tìm đọc thông tin chi tiết về tỷ lệ bỏ học giữa chừng và tỷ lệ tốt nghiệp trên Trang Mạng Điện Toán DataQuest của CDE tại <http://dq.cde.ca.gov/dataquest/>.

Yếu Tố Chỉ Báo	Trường			Khu Học Chánh			Tiểu Bang		
	2006-07	2007-08	2008-09	2006-07	2007-08	2008-09	2006-07	2007-08	2008-09
Tỷ Lệ Bỏ Học Giữa Chừng (1 năm)	1.9	2.0	2.6	5.1	5.2	5.6	5.5	4.9	5.7
Tỷ Lệ Tốt Nghiệp	88.2	91.0	90	73.9	72.3	72.9	80.6	80.2	78.5

Hoàn Thành Các Yêu Cầu Tốt Nghiệp Trung Học

Bảng này mô tả theo nhóm học sinh tỷ lệ phần trăm số học sinh bắt đầu năm học 2009–10 ở lớp mười hai và nằm trong khóa tốt nghiệp gần đây nhất của trường, đáp ứng tất cả các yêu cầu tốt nghiệp của địa phương và tiểu bang để hoàn thành lớp mười hai, trong đó bao gồm cả việc vượt qua phần thi môn ELA và toán trong CAHSEE hoặc được miễn theo luật tiểu bang hoặc diện miễn trừ theo luật địa phương.

Nhóm	Khóa Tốt Nghiệp 2010		
	Trường	Khu Học Chánh	Tiểu Bang
Tất Cả Học Sinh trong Trường	93	84	không áp dụng
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi Châu	94	79	không áp dụng
Thổ Dân Mỹ Da Đỏ hoặc Thổ Dân Alaska	không áp dụng	88	không áp dụng
Người Á châu	97	93	không áp dụng
Người Phi luật tân	93	91	không áp dụng
Người gốc Tây ban nha hoặc La tinh	84	73	không áp dụng
Thổ Dân Hawaiian/Người Đảo Thái Bình Dương	không áp dụng	89	không áp dụng
Người da trắng	99	87	không áp dụng
Hai Sắc Tộc hoặc Hơn	không áp dụng	không áp dụng	không áp dụng
Hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	89	78	không áp dụng
Những Người Học Tiếng Anh	61	52	không áp dụng
Học Sinh Khuyết Tật	77	62	không áp dụng

Chương Trình Học Kỹ Thuật Chuyên Nghiệp (Niên Khóa 2009-10)

Mục này cung cấp thông tin về các chương trình Kỹ Thuật Dạy Nghề (CTE) và liệt kê các chương trình do khu học chánh cung cấp, phù hợp các tiêu chuẩn về giáo trình giảng dạy mẫu. Danh sách này nhận biết các khóa học do các trung tâm hoặc chương trình giáo dục dạy nghề khu vực tiến hành và các khóa học do khu học chánh trực tiếp tiến hành. Mục này cung cấp danh sách đại diện chính của ủy ban cố vấn kỹ thuật dạy nghề của khu học chánh và các ngành nghề có tên trong danh sách.

Trường Evergreen Valley giảng dạy những bộ môn giúp tất cả mọi học sinh sẵn sàng làm việc ngoài đời. Đó là những môn học kỹ thuật mà tiếng Anh gọi là Career Technical Education, gọi tắt là CTE, mà trước kia gọi là giáo dục hướng nghiệp. Nhiều học sinh theo học tại Trung Tâm Huấn Nghề Trung Ương của Hạt song song với việc học tập tại trường của Học Khu. Kế toán, Vi tính Thực hành, Điện toán Nhập môn là những môn giảng dạy tại trường chúng tôi.

Tham Gia Học Kỹ Thuật Chuyên Nghiệp (Niên Khóa 2009-10)

Bảng này trình bày thông tin về việc tham gia các chương trình Học Kỹ Thuật Chuyên Nghiệp (CTE) của trường.

Tiêu Chuẩn Đánh Giá	Tham Gia Chương Trình CTE
Số học sinh tham gia trong CTE	325
Số phần trăm học sinh hoàn tất chương trình CTE và có bằng tốt nghiệp trung học	0
Số phần trăm khóa học CTE được sắp xếp theo trình tự hoặc chuyển tiếp giữa các trường và các trường sau trung học	33%

Các Khóa Học Chuẩn Bị Nhập Học Vào University of California và/hoặc California State University (Niên Khóa 2008-09)

Bảng này trình bày về hai tiêu chuẩn đánh giá trong năm gần đây nhất liên quan tới các khóa học của trường, mà các khóa học được yêu cầu để nhập học vào trường University of California (UC) và California State University (CSU). Quý vị có thể tìm đọc thông tin chi tiết về thủ tục ghi danh học sinh và việc hoàn tất các khóa học yêu cầu để nhập học vào UC/CSU tại trang mạng điện toán *DataQuest* của CDE <http://dq.cde.ca.gov/dataquest/>.

Đo Lường Khóa Học UC/CSU	Phần Trăm
Các Học Sinh Ghi Danh Vào Các Khóa Học Bắt Buộc để Nhập Học UC/CSU	98.3
Các Học Sinh Tốt Nghiệp Đã Hoàn Thành Tất Cả Các Khóa Học Được Yêu Cầu để Nhập Học UC/CSU	58.5

Các Khóa Học Nâng Cao (Niên Khóa 2009-10)

Bảng này trình bày số Khóa Học Nâng Cao (AP) trong năm gần đây nhất mà các trường cung cấp theo môn học và số phần trăm học sinh theo học trong tất cả các khóa học AP. Quý vị có thể tìm hiểu thông tin chi tiết về sĩ số học sinh theo học các khóa học AP trên Trang Mạng Điện Toán *DataQuest* của CDE tại <http://dq.cde.ca.gov/dataquest/>.

Môn Học	Số Khóa Học Nâng Cao Được Cung Cấp	Số Phần Trăm Học Sinh Tham Gia Các Khóa Học Nâng Cao
Khoa Học Điện Toán	0	không áp dụng
Tiếng Anh	2	không áp dụng
Mỹ Thuật và Nghệ Thuật Biểu Diễn	0	không áp dụng
Ngoại Ngữ	2	không áp dụng
Toán	3	không áp dụng
Khoa Học	3	không áp dụng
Khoa Học Xã Hội	2	không áp dụng
Tất cả các khóa học	12	21.8

XII. Lập Kế Hoạch và Lập Thời Khóa Biểu Giảng Dạy

Phát Triển Nghiệp Vụ

Mục này trình bày về số ngày học hàng năm dành cho việc phát triển nhân viên cho thời kỳ ba năm mới đây nhất.

Tu nghiệp là dịp cho nhân viên nhà trường phát triển đa dạng, rõ ràng và bám sát các tiêu chuẩn giáo dục mà tiểu bang đề ra cũng như duy trì được những giá trị nòng cốt của nhà trường. Mặc dù hằng năm giáo sư chỉ được 2 ngày tu nghiệp, nhà trường vẫn dành nhiều cơ hội khác để giáo sư phát triển nghề nghiệp trong suốt năm học và vào dịp hè. Trường chúng tôi có kế hoạch tu nghiệp rất chặt chẽ và chi tiết bám sát từng số liệu liên quan mật thiết với các phương pháp dạy giỏi học chăm. Không những giáo sư và nhân viên nhà trường có nhiều dịp tu nghiệp tại trường mà còn có nhiều cơ hội tu nghiệp tại học khu. Ngoài ra, nhiều giáo sư còn được tham dự các lớp tu nghiệp ở những trường đại học và đại học cộng đồng ở địa phương và dự các buổi hội thảo do Sở Giáo Dục Hạt Santa Clara tổ chức. Các buổi hướng dẫn của Chương Trình Giúp Đỡ và Lượng Giá Giáo Sư Mới rất hữu ích cho các nhà giáo dục mới vào nghề. Nhà trường đã thiết lập và áp dụng thành công khuôn mẫu tu nghiệp cho toàn thể nhân viên. Tu nghiệp toàn trường và theo từng khoa thường xuyên được tổ chức để giáo sư có dịp tiếp tục phát triển nghề nghiệp hầu đẩy mạnh mọi nỗ lực

toàn trường sao cho theo đúng những tiêu chuẩn giáo trình từng môn học cam go mà tiểu bang đề ra, đồng thời cũng giúp mọi học sinh đọc thông viết thạo và học hỏi tinh tường để thành đạt.

Để bảo đảm chu kỳ liên tục cải tiến, việc tu nghiệp bám sát từng người để đáp ứng nhu cầu của tất cả giáo sư các bộ môn cũng như của các nhân viên và quản trị viên nhà trường. Sinh hoạt tu nghiệp giáo sư không chỉ phản ánh quan niệm dạy giỏi mà còn chấp chỉ nghiêm minh những tiêu chuẩn Nghề Giáo mà tiểu bang California đề ra. Giáo sư và nhân viên cùng nhau tu nghiệp đúng lãnh vực công việc của mình mà cũng theo đúng mọi cấp độ mà học khu hoạch định. Trong phạm vi nhà trường, việc tu nghiệp được sắp đặt theo mục tiêu tổng quát (ví dụ giảng dạy theo đúng các tiêu chuẩn), và theo các khía cạnh chuyên biệt của chương trình tu nghiệp (ví dụ các phương pháp giảng dạy cá biệt), mỗi mỗi đều được cá nhân hóa cho từng người để đáp ứng được mọi động cơ và nhu cầu bộ môn chuyên biệt. Thí dụ như về tiếng Anh, giáo sư phải xem xét bài vở học sinh để bảo đảm học sinh ấy học và làm bài đúng phương pháp và hữu hiệu theo các tiêu chuẩn bộ môn mà tiểu bang đề ra, trong khi về giáo dục thể chất thì giáo sư lại duyệt xét các số liệu *FitnessGram (Biểu Đồ Thể Lực)* để theo dõi mà tập luyện học sinh với kết quả đúng mức. Học khu cũng dành nhiều cơ hội tu nghiệp khác nhau để mở rộng kiến thức giáo sư, trau dồi kỹ năng điều khiển lớp học, và nâng cao tay nghề giảng dạy bằng những phương pháp tối hảo.